

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - ST

Ngày 10 - 02 - 2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – HNGĐ ngày 13/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hồng N, sinh năm 1991; Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1990; Cư trú tại: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06 tháng 7 năm 2021 nguyên đơn chị Lê Hồng N trình bày: Chị và anh Nguyễn Vũ L kết hôn với nhau vào năm 2011, trên tinh thần tự nguyện tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu lẫn nhau. Hiện nay chị và anh L đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Vũ L. Về con chung: Chị và anh L có 01 người con chung tên Nguyễn Như Đ, sinh năm 2012, hiện nay con đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Vũ L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tổ tụng của Tòa án cho anh và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị N có mặt vẫn bảo lưu quan điểm, ý kiến đã trình bày không có ý kiến yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lê Hồng N và bị đơn anh Nguyễn Vũ L. Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên anh Linh vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Vũ L được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay anh chị đã sống ly thân. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh L thực tế phát sinh nhiều mâu

thuần. Mặc khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử chị N và anh L vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau, chị N và anh L đã sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay. Hôn nhân của chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó không công nhận chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Vũ L là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh L có một người con chung tên Nguyễn Như Đ, sinh ngày 07/6/2012 hiện nay đang sống cùng chị N, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Nguyễn Như Đ đã trên bảy tuổi, có đơn nguyện vọng sống với chị N và từ trước đến nay cuộc sống phát triển bình thường do đó cần giao cháu Nguyễn Như Đ, sinh ngày 07/6/2012 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Lê Hồng N phải nộp 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Vũ L tại phiên tòa. Áp dụng Điều 14; Điều 51, Điều 56, Điều

81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không công nhận chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Vũ L là vợ chồng.

Giao người con chung tên Nguyễn Như Đ, sinh ngày 07/6/2012 hiện nay đang sống cùng chị N cho chị Nghi tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Lê Hồng N.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Hồng N phải nộp 300.000 đồng, chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006633 ngày 23/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Hoàng Tỷ

.

